

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẢNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2120 /QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 10 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi,
bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
trong một số lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa,
Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện không
phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi tỉnh Cao Bằng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẢNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/NĐ-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 1743/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thực

hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi toàn tỉnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ Quyết định số 4508/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng tại Tờ trình số 390/TTr-SVHTTDL ngày 05 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 39 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi tỉnh Cao Bằng và phê duyệt 02 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong một số lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi tỉnh Cao Bằng (*chi tiết tại Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo*).

Nội dung các bộ phận cơ bản của thủ tục hành chính được công bố không nêu trong Quyết định này, thực hiện theo Quyết định số 4508/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Quyết định này bãi bỏ danh mục 01 thủ tục hành chính có số thứ tự 23, tại tiểu mục A3, mục A, phần I; bãi bỏ danh mục 01 thủ tục hành chính có số thứ tự 44, tại tiểu mục A6, mục A, phần I; bãi bỏ danh mục 03 thủ tục hành chính có số thứ tự 106, 109, 110 tại tiểu mục C1, mục C, phần I, Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng.

Quyết định này bãi bỏ danh mục 01 thủ tục hành chính có số thứ tự 02 tại mục I, Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Gia đình, Hợp tác quốc tế, Quảng cáo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng.

Quyết định này bãi bỏ danh mục 24 thủ tục hành chính có số thứ tự 01, 02, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26 tại tiểu mục A, mục I, Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng.

Quyết định này bãi bỏ danh mục 01 thủ tục hành chính có số thứ tự 01 tại phần I; bãi bỏ danh mục 01 thủ tục hành chính có số thứ tự 01 tại tiểu mục II, mục A, phần II; bãi bỏ danh mục 02 thủ tục hành chính có số thứ tự 02, 05 tại tiểu mục III, mục A, phần II, Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, lĩnh vực báo chí, lĩnh vực xuất bản, in và phát hành, lĩnh vực thông tin đối ngoại thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Cao Bằng.

Quyết định này bãi bỏ danh mục 01 thủ tục hành chính có số thứ tự 14, tại mục V, phần II, Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Cao Bằng.

Quyết định này bãi bỏ danh mục 02 thủ tục hành chính có số thứ tự 01, 03 tại mục I, Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Du lịch, lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng.

Quyết định này bãi bỏ danh mục 01 thủ tục hành chính có số thứ tự 14, tại mục V, phần II, Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1654/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực di sản văn hóa, lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm, lĩnh vực điện ảnh, lĩnh vực gia đình, lĩnh vực hợp tác quốc tế, lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, lĩnh vực xuất bản, in và phát hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Cao Bằng.

Quyết định này bãi bỏ danh mục 01 thủ tục hành chính có số thứ tự 01, tại mục I, Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 2031/QĐ-SVHTTDL ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong một số lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hải Hòa

Phụ lục I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH,
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ THỰC HIỆN KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO
ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH TRONG PHẠM VI TỈNH CAO BẰNG**

(Kèm theo Quyết định số: 2120 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG¹ (39 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã thủ TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (38 TTHC)						
A	LĨNH VỰC QUẢNG CÁO (01 TTHC)						
1	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam (1.004639)	08 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	3.000.000 đồng/giấy phép	- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo. - Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy	- Sửa đổi: <i>Thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý.</i> - Đã cắt giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày xuống 08 ngày.

¹ Phần in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

						phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam. - Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành. - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.	
B	LĨNH VỰC BÁO CHÍ (01 TTHC)						
2	Cấp giấy phép xuất bản báo tin (địa phương) (1.009374)	07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016; - Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí	- Sửa đổi: Thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý. - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết TTHC từ 20 ngày

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

						điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san. <i>- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	xuống 07 ngày.
C	LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH (02 TTHC)						
3	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (địa phương) (2.001594)	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản; - Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông; - Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng	- Sửa đổi: Thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý. - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết TTHC từ 15 ngày xuống 10 ngày.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

						dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản. - Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 quy định cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	
4	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (cấp địa	06 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng;	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích;	Không	- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012; - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số	Sửa đổi: <i>Thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý.</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

phương) (2.001564)		- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	- Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.		điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản; - Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản. - Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 quy định cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	- Đã cắt giảm thời hạn giải quyết TTHC từ 10 ngày xuống 06 ngày.
-----------------------	--	---	---	--	--	--

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

D	LĨNH VỰC DU LỊCH (05 TTHC)						
5	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (2.001628)	07 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	1.500.000 đồng/giấy phép	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.	- Sửa đổi: Thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý. - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày xuống 07 ngày

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

						- Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch và Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 quy định cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.	
6	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (2.001622)	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng;	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích;	1.000.000 đồng/giấy phép	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.	- Sửa đổi: Thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý. - Đã cắt giảm thời

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

			- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	- Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.		- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. - Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	hạn giải quyết từ 05 ngày xuống 04 ngày làm việc.
--	--	--	--	--	--	--	--

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

						quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch và Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. <i>- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 quy định cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	
7	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài (1.003717)	<i>- 05 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</i>	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	3.000.000 đồng/giấy phép	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 quy định cắt</i>	- Sửa đổi: Thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý. - <i>Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc trong trường hợp nội dung</i>

		- 10 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.				giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.	hoạt động của Văn phòng đại diện phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 13 ngày xuống 10 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt
--	--	--	--	--	--	--	--

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

							Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.
8	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài (1.014144)	- 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ; - 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp việc điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	1.500.000 đồng/giấy phép	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 quy định cắt</i>	- Sửa đổi: Thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý. - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày xuống 04 ngày làm việc.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

		phòng đại diện dẫn đến Văn phòng đại diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lưu hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên				<i>giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	
9	Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công	1.500.000 đồng/giấy phép	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.	- Sửa đổi: <i>Thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý.</i> - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

	dịch vụ lễ hành nước ngoài (1.003002)		chính công các xã, phường.	trực tuyến toàn trình.		- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 quy định cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	ngày xuống 04 ngày làm việc
Đ	LĨNH VỰC MỸ THUẬT, NHIẾP ẢNH, TRIỂN LÃM (01 TTHC)						
10	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại (1.001229)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 quy định cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	- Sửa đổi: <i>Thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý.</i> - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc.
E	LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ (02 TTHC)						
11	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (2.001098)	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng;	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công	Không	- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của</i>	- Sửa đổi: <i>thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý.</i> - Đã cắt giảm thời hạn giải

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

			- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	trực tuyến toàn trình.		<i>Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống 07 ngày làm việc.
12	Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (1.002001)	<i>10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</i>	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. - Công văn số 48/CP-KGVX ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về việc đính chính Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	- Sửa đổi: <i>thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý.</i> - <i>Đã cắt giảm thời hạn giải quyết TTHC từ 15 ngày xuống 10 ngày.</i>
G	LĨNH VỰC MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ CHUYÊN NGÀNH VĂN HÓA (02 TTHC)						
13	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ	- Trung tâm phục vụ hành chính công	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu	1. Mức thu phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần	- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.	- Sửa đổi: <i>thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý.</i>

nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh (1.003560)		tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	mềm và trên vật liệu khác như sau: a) Chương trình ca múa nhạc, sân khấu ghi trên băng đĩa: - Đối với bản ghi âm: 200.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 150.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút). - Đối với bản ghi hình: 300.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 200.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút). b) Chương trình ghi trên đĩa nén, ổ	- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác. - Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn	- Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày xuống 07 ngày làm việc.
--	--	---	--	---	---	--

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

					cứng, phần mềm và các vật liệu khác: - Đối với bản ghi âm: + Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình; + Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 50.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 7.000.000 đồng/chương trình. - Đối với bản ghi hình: + Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình;	hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. <i>- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	
--	--	--	--	--	--	--	--

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

					+ Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 75.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 9.000.000 đồng/chương trình. 2. Chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác; chương trình nghệ thuật biểu diễn sau khi thẩm định không đủ điều kiện cấp giấy phép thì không được hoàn trả số phí thẩm định đã nộp.		
14	Thủ tục cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích;	Không	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.	Sửa đổi: <i>thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý.</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

	hóa xuất khẩu trong lĩnh vực báo chí, xuất bản (1.014464)		tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	- Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.		- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương. - Thông tư số 21/2020/TT-BTTTT ngày 07/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với hàng hóa trong lĩnh vực thông tin và truyền thông. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	
H	LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO (24 TTHC)						
15	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp (1.002445)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận. - <i>Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến:</i> 1.000.000	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Cao Bằng.	- Sửa đổi: <i>thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý.</i> - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

					<i>đồng/giấy chứng nhận.</i>	- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ. - Nghị quyết số 89/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	
16	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (1.002396)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến: 1.000.000	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Cao Bằng.	- Sửa đổi: <i>thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý.</i> - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05

			các xã, phường.		<i>đồng/giấy chứng nhận.</i>	- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ. - Nghị quyết số 89/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	ngày làm việc
17	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga (1.000953)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến: 1.000.000	- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Cao Bằng.	- Sửa đổi: <i>thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý.</i> - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

			các xã, phường.		<i>đồng/giấy chứng nhận.</i>	- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ. - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ. - Nghị quyết số 89/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	ngày làm việc
18	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm phục vụ hành chính công	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: 2.000.000	- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể	- Sửa đổi: <i>thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý.</i>

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

động thể thao đối với môn Golf (1.000936)		tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyên toàn trình.	đồng/giấy chứng nhận. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến: 1.000.000 đồng/giấy chứng nhận.	thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. - Nghị quyết số 80/2016/NQ- HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 12/2016/TT- BVHTTDL ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ. - Nghị quyết số 89/2022/NQ- HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn	- Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc
--	--	---	--	---	--	--

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

						<i>giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	
19	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông (1.000920)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến: 1.000.000 đồng/giấy chứng nhận.	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 09/2017/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ. - Nghị quyết số 89/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số	- Sửa đổi: <i>thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý.</i> - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

						01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	
20	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo (1.001195)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến: 1.000.000 đồng/giấy chứng nhận.	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 của Quốc hội và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 10/2017/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Sửa đổi: <i>thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý.</i> - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

						- Nghị quyết số 89/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	
21	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate (1.000904)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến: 1.000.000 đồng/giấy chứng nhận.	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 02/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 01 năm	- Sửa đổi: <i>thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý.</i> - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

						2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ. - Nghị quyết số 89/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	
22	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn (1.000883)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận. - <i>Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ</i>	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11	- Sửa đổi: <i>thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý.</i> - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

			chính công các xã, phường.	tuyển toàn trình.	<i>công trực tuyển:</i> <i>1.000.000</i> <i>đồng/giấy chứng</i> <i>nhận.</i>	năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. - Nghị quyết số 80/2016/NQ- HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 03/2018/TT- BVHTTDL ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ. - Nghị quyết số 89/2022/NQ- HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP</i> <i>ngày 15 tháng 11 năm 2025 của</i> <i>Chính phủ quy định cắt giảm, đơn</i> <i>giản hóa thủ tục hành chính dựa</i> <i>trên dữ liệu.</i>	xuống 05 ngày làm việc.
23	Thủ tục cấp Giấy chứng	05 ngày làm việc, kể từ ngày	- Trung tâm phục	- Trực tiếp;	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11	- Sửa đổi: <i>thành phần</i>

	nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker (1.000863)	nhận hồ sơ hợp lệ.	vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	- Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến: 1.000.000 đồng/giấy chứng nhận.	năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 04/2018/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ. - Nghị quyết số 89/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của</i>	<i>hồ sơ; căn cứ pháp lý.</i> - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc.
--	--	--------------------	--	--	---	--	---

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

						Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.	
24	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn (1.000847)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến: 1.000.000 đồng/giấy chứng nhận.	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 05/2018/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ. - Nghị quyết số 89/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số	- Sửa đổi: <i>thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý.</i> - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

						61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. <i>- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	
25	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay (1.000830)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến: 1.000.000 đồng/giấy chứng nhận.	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 06/2018/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ. - Nghị quyết số 89/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.	- Sửa đổi: <i>thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý.</i> - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

						- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	
26	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao (1.000814)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến: 1.000.000 đồng/giấy chứng nhận.	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 07/2018/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Sửa đổi: <i>thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý.</i> - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

						- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ. - Nghị quyết số 89/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân Cao Bằng. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	
27	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ (1.000644)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến: 1.000.000	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.	- Sửa đổi: <i>thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý.</i> - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc

					<i>đồng/giấy chứng nhận.</i>	- Thông tư số 08/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ. - Nghị quyết số 89/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	
28	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018.	- Sửa đổi: <i>thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý.</i> - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

	(1.000842)		vụ hành chính công các xã, phường.	tuyên toàn trình.	- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến: 1.000.000 đồng/giấy chứng nhận.	- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 09/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ. - Nghị quyết số 89/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	ngày xuống 05 ngày làm việc.
--	------------	--	---	----------------------	---	--	---------------------------------------

29	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness (1.005163)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến: 1.000.000 đồng/giấy chứng nhận.	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 10/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ. - Nghị quyết số 89/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.	- Sửa đổi: <i>thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý.</i> - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc.
----	---	--	---	---	--	---	---

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

						- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.	
30	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân sư rồng (2.002188)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến: 1.000.000 đồng/giấy chứng nhận.	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 11/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ. - Nghị quyết số 89/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của	- Sửa đổi: thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý. - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

						Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	
31	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí (1.000594)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến: 1.000.000 đồng/giấy chứng nhận.	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 12/2018/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.	- Sửa đổi: <i>thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý.</i> - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

						- Nghị quyết số 89/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	
32	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, môn Vovinam (1.000544)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến: 1.000.000 đồng/giấy chứng nhận.	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 14/2018/TT-BVHTTDL ngày 09 tháng 3 năm	- Sửa đổi: <i>thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý.</i> - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

						2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ. - Nghị quyết số 89/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	
33	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá (1.000518)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015.	- Sửa đổi: <i>thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý.</i> - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

			chính công các xã, phường.	tuyển toàn trình.	<i>công trực tuyển:</i> <i>1.000.000</i> <i>đồng/giấy chứng</i> <i>nhận.</i>	- Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 18/2018/TT-BVHTTDL ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ. - Nghị quyết số 89/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	xuống 05 ngày làm việc.
34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều	05 ngày làm việc, kể từ	- Trung tâm phục vụ hành chính công	- Trực tiếp;	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung	- Sửa đổi: <i>thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý.</i>

kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt (1.000501)	ngày nhận hồ sơ hợp lệ	tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	- Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	ích: 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến: 1.000.000 đồng/giấy chứng nhận.	một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 19/2018/TT-BVHTTDL ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ. - Nghị quyết số 89/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.	- Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc.
--	------------------------	---	--	--	--	--

						- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.	
35	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin (1.000485)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến: 1.000.000 đồng/giấy chứng nhận.	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 20/2018/TT-BVHTTDL ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.	- Sửa đổi: thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý. - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc.

						- Nghị quyết số 89/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	
36	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu (1.005162)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến: 1.000.000	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.	- Sửa đổi: <i>thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý.</i> - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc.

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

					<i>đồng/giấy chứng nhận.</i>	- Thông tư số 29/2018/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ. - <i>Nghị quyết số 89/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i> - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	
37	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng;	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích;	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018.	- Sửa đổi: <i>thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý.</i> - Đã cắt giảm thời hạn giải

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

Leo núi thể thao (1.001517)		- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	- Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	- <i>Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến: 1.000.000 đồng/giấy chứng nhận.</i>	- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 28/2018/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ. - Nghị quyết số 89/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc.
--------------------------------	--	---	---	--	--	--

38	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ (1.001527)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến: 1.000.000 đồng/giấy chứng nhận.	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 32/2018/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ. - Nghị quyết số 89/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.	- Sửa đổi: <i>thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý.</i> - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc.
----	---	---	---	--	---	--	---

						- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.	
II	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (01 TTHC)						
A	LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ (01 TTHC)						
1	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (1.013792)	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến.	Không	- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. - Nghị định số 137/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch. - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.	- Sửa đổi: thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý. - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết TTHC từ 15 ngày xuống 10 ngày.

Tổng số TTHC công bố:
Trong đó:
TTHC sửa đổi, bổ sung:

Cấp tỉnh

39
38

TTHC
TTHC
TTHC

	Cấp xã	01	TTHC
Cụ thể:			
- Số TTHC thực hiện trực tiếp:		39	TTHC
- Số TTHC thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích:		39	TTHC
- Số TTHC thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến:		39	TTHC
- Số TTHC cắt giảm thời hạn thời gian giải quyết		39	TTHC

Phụ lục II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THỰC HIỆN
KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH TRONG PHẠM VI TỈNH CAO BẰNG
(Kèm theo Quyết định số: 2120 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng)

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC CẤP TỈNH (02 TTHC)
A. LĨNH VỰC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ (01 TTHC)

1. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng
(Mã TTHC: 1.002001).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở VHTTDL tại TTPVHCC tỉnh; TTPVHCC các xã, phường	0,25 ngày
Bước 2	Phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Thông tin, Báo chí, Xuất bản (QLTTBCXB)	0,5 ngày
Bước 3	Thẩm định, thụ lý hồ sơ	Công chức phòng QLTTBCXB	08 ngày
Bước 4	Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét, cho ý kiến với dự thảo kết quả thẩm định, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLTTBCXB	0,25 ngày
Bước 5	Phê duyệt kết quả thẩm định	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày
Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở VHTTDL tại TTPVHCC tỉnh; TTPVHCC các xã, phường	Không tính thời gian

	Tổng thời gian giải quyết	10 ngày
--	---------------------------	---------

B. LĨNH VỰC DU LỊCH (01 TTHC)

Quy trình số 02

2. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC: Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài (**mã TTHC: 1.003717**)

a) Trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở VHTTDL tại TTPVHCC tỉnh; TTPVHCC các xã, phường	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Du lịch (QLDL)	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định, thụ lý hồ sơ	Công chức phòng QLDL	03 ngày làm việc

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

Bước 4	Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét, cho ý kiến với dự thảo kết quả thẩm định, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLDL	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Phê duyệt kết quả thẩm định	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở VHTTDL tại TTPVHCC tỉnh; TTPVHCC các xã, phường	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết		05 ngày làm việc

b) Trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lễ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, dùng chữ ký số cá nhân được cấp để ký trên bản điện tử, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác với các nội dung theo bản giấy; cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định (hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày); chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết trong không quá 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở VHTTDL tại TTPVHCC tỉnh; TTPVHCC các xã, phường	0,25 ngày làm việc

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

Bước 2	Phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Du lịch (QLDL)	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định, thụ lý hồ sơ	Công chức phòng QLDL	08 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét, cho ý kiến với dự thảo kết quả thẩm định, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLDL	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Phê duyệt kết quả thẩm định	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở VHTTDL tại TTPVHCC tỉnh; TTPVHCC các xã, phường	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết		10 ngày làm việc